

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 20/3/2024

“*V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Khuyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lại Thị Thúy Hằng**

2. Ông **Lê Đức Dũng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Bích** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 537/2023/TLST- HNGĐ ngày 24/11/2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 28/02/2024 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Bích C**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: **ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Nai.**

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Quang T**, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: **ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Nai.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, các lời khai bổ sung trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Bích C** trình bày:**

Chị và anh **Nguyễn Quang T** trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu thương yêu nhau trong một thời gian thì tiến tới hôn nhân với nhau vào năm 2002, có tổ chức đám cưới theo nghi thức truyền thống và đăng ký kết hôn tại **UBND xã N, huyện L (nay là huyện C), tỉnh Đồng Nai** vào ngày 24/6/2002. Đây là hôn nhân lần đầu của cả hai người. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và bắt đầu trầm trọng từ năm 2020 nên chị **C** đã chuyển về nhà ba mẹ chị tại **xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu** sinh sống từ tháng 6/2022 cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị **C** trình bày: do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày, tiền bạc. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng chị dành cho anh **T** không còn, mục đích hôn nhân không đạt được

nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Nguyễn Quang H, sinh ngày 13/6/2004 và Nguyễn Minh T1, sinh ngày 19/7/2014. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu Minh T1, yêu cầu anh T cấp dưỡng cho cháu T1 với mức 1.000.000 đồng/tháng. Con chung Nguyễn Quang H đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Quá trình giải quyết vụ án theo hồ sơ thể hiện án bị đơn anh Nguyễn Quang T trình bày:**

Anh thống nhất với lời trình bày của chị C về cơ sở tiến tới hôn nhân, quá trình hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh xác định những mâu thuẫn như chị C đã trình bày là đúng. Tuy nhiên, việc dẫn đến anh chị mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2020 khi chị C bị bệnh thì ba mẹ chị C đã tác động, lôi kéo chị C về ở cùng với ông bà từ đó dẫn đến vợ chồng mỗi người một nơi, trong thời gian chị C sống với ba mẹ thì anh có xuống trực tiếp và điện thoại cho chị C nhiều lần để vợ chồng hàn gắn về ở với nhau nhưng không thành nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 6/2022 cho đến nay.

Nay chị C yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ký thuận tình ly hôn vì anh theo đạo thiên chúa, nếu ly hôn sẽ có tội với chúa. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án cứ giải quyết chấp nhận đơn ly hôn của chị C. Khi vợ chồng ly hôn thì đối với con chung anh đồng ý giao cháu Minh T1 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, hàng tháng anh cấp dưỡng cho cháu T1 với mức 1.000.000 đồng/tháng. Con chung Nguyễn Quang H đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ:**

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

- Về nội dung: áp dụng Điều 9, Điều 11, Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131, Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị C và anh T ly hôn; áp dụng Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung Nguyễn Minh T1, sinh ngày 19/7/2014 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: hàng tháng anh T cấp dưỡng cho cháu T1 với mức 1.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục: không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng: chị Nguyễn Thị Bích C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Quang T, xin nuôi

dưỡng con chung nên đây là vụ án về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của BLTTDS.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Quang T có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại: ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Nai, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[3] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị Bích C và anh Nguyễn Quang T có đơn và yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị C là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Bích C và anh Nguyễn Quang T đã tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện L (nay là huyện C), tỉnh Đồng Nai vào ngày 24/6/2002 theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20/2002 nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị C nhận thấy:

Theo trình bày của chị C thì cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày, tiền bạc. Nay do tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T. Anh T thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn hoàn toàn như chị C trình bày, nhưng anh không đồng ý ký thuận tình ly hôn vì anh theo đạo thiên chúa, nếu ly hôn sẽ có tội với chúa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã kéo dài thời gian hòa giải cho anh chị nhưng không thành, chị C vẫn kiên quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm với anh T. Xét thấy, giữa anh chị không có sự chia sẻ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và có sự vi phạm tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị C được ly hôn với anh T.

[6] Về con chung: Khi ly hôn chị C và anh T thống nhất thỏa thuận giao cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 19/7/2014 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời cháu T1 cũng có nguyện vọng được sống cùng với chị C. Xét thấy, sự thỏa thuận này của anh chị phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này của anh chị. Con chung Nguyễn Quang H đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị C và anh T thống nhất hàng tháng anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T1 với mức 1.000.000 đồng. Vì vậy, ghi nhận sự thỏa thuận này của anh chị.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: chị C và anh T xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung không có nên không ai yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị **C** phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm. Anh **T** phải nộp án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 131; Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Bích C**.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho **Nguyễn Thị Bích C** được ly hôn với anh **Nguyễn Quang T**.

- Về con chung: Giao con chung **Nguyễn Minh T1**, sinh ngày 19/7/2014 cho chị **C** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Con chung **Nguyễn Quang H**, sinh năm 2004 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không giải quyết.

- Về cấp dưỡng: anh **T** có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu **T1** với mức 1.000.000đ (một triệu) đồng/tháng.

Kể từ ngày có đơn có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chấm dứt theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ.

Anh **T** được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết các bên có quyền được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Khi cần thiết chị **C**, anh **T** được quyền yêu cầu xin thay đổi người nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo đảm cho đến khi trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

- Về án phí: chị **Nguyễn Thị Bích C** phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn) đồng án phí LHST. Chuyển 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí chị **C** đã nộp thành tiền án phí (biên lai số 0000521 ngày 23/11/2023 tại Chi cục Thi hành

án dân sự huyện Cẩm Mỹ, chị **C** đã nộp đủ án phí. Anh **T** phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Cẩm Mỹ;
- Thi hành án dân sự H. Cẩm Mỹ;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Nhân Nghĩa;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Khuyên